TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11 /2023/HNGĐ – ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2023
V/v: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA- THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Mừng; ông Phạm Văn Hùng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa;

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên;

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số 01/2023/TLST- HNGĐ ngày 01/02/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân – gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 01/2003/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Cao Thị H– Sinh năm: 1982

Địa chỉ: bản Tr, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th. Vắng mặt có lý do.

-*Bị đơn:* Anh Hà Văn Th – Sinh năm: 1979

Địa chỉ: bản Tr, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th, Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Hà Văn Th xây dựng gia đình với nhau từ năm 1998, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng kí kết hôn ngày 03/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Th, huyện Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại bản Tr, xã Ph, huyện Quan Hóa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2009, thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình đã nhiều lần dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, Nguyên đơn xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung kéo dài cũng chỉ làm khổ nhau. Do đó, Nguyên đơn Cao Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung: cháu Hà Văn Đ (sinh ngày 19/5/2000); cháu Hà Hoài M (sinh ngày 18/8/2004), hiện hai cháu đều đã đủ 18 tuổi, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết về phần con cái.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn anh Hà Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày về quá trình kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân, mức độ phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung: cháu Hà Văn Đ (sinh ngày 19/5/2000); cháu Hà Hoài M (sinh ngày 18/8/2004), hiện hai cháu đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết về phần con cái.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 31 /3 /2023 của Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa tiến hành xác minh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng được thể hiện như sau: Chị H và anh Th kết hôn với nhau vào tháng 10 năm 1998 tại UBND xã Ph, huyện Q, sau khi lấy nhau vợ chồng sinh sống tại bản Tr, xã Ph. Trong quá trình chung sống, vợ chồng

có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã nhiều lần can thiệp, động viên, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Quan điểm của Viện Kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót, vi phạm.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 điều 208, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật dân sự.

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, Điều 56, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình

Khoản 1 điều 4, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Cao Thị H.

Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Th.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu, xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] *Xét quan hệ tranh chấp:* Chị Cao Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với anh Hà Văn Th. Đây là tranh chấp về hôn nhân - gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[2] *Xét việc vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý

do. HĐXX căn cứ quy định tại Điều 238 BLTTDS và các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

Về hôn nhân:

[3] *Xét điều kiện kết hôn của các đương sự:*

[4] Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 01/1998 ngày 03/10/1998; có ghi ngày sinh của chị Cao Thị H là ngày 26/03/1979 (bút lục 06). Tuy nhiên, chị H trình bày ngày sinh chính xác của chị Cao Thị H 26/3/1982. Quá trình đăng kí kết hôn, chị Hoàng khai nhầm.

[5] Lời khai của Nguyên đơn phù hợp với các giấy tờ cá nhân khác gồm: Phiếu xác nhận thông tin cư trú (bút lục 05) văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Ph (bút lục 03); đều thể hiện ngày sinh của Nguyên đơn là ngày 26/3/1982. Từ đó, có căn cứ xác định ngày sinh chính xác của chị Hoàng là ngày 26/3/1982. Tại thời điểm đăng kí kết hôn, chị H mới được 16 tuổi 07 tháng 04 ngày, là chưa đủ tuổi kết hôn. Việc đăng kí kết hôn của UBND xã Ph là trái với khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân – gia đình 2000

[7] *Xét yêu cầu xin ly hôn:*

[8] Nguyên đơn: Khoảng năm 2009, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau. Xét tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được yêu cầu được ly hôn với bị đơn Thuý.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân bị đơn Hà Văn Th không đồng ý ly hôn nhưng tình cảm giữa nguyên đơn Cao Thị H và bị đơn Hà Văn Th đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Cao Thị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[9] Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn quy định một số quy định của Luật hôn nhân & gia đình:

"2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn."

[10] Như vậy, đủ cơ sở để nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, với tính chất nghiêm trọng. Tình cảm vợ chồng đã hết; mục đích hôn nhân không còn đạt được; đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần căn cứ quy định tại Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; giải quyết cho vợ chồng chị Cao Thị H và anh Hà Văn Th ly hôn với nhau. Yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung:

[11] Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung: cháu Hà Văn Đ (sinh ngày 19/5/2000); cháu Hà Hoài M (sinh ngày 18/8/2004), hiện hai cháu đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết về phần con cái.

Về các vấn đề khác trong vụ án

[12] *Về tài sản và công nợ:* Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[13] Theo lời khai của anh Hà Văn Th thì từ khai vợ chồng xây dựng gia đình đến nay; chính quyền địa phương và thôn bản chưa đến nhắc nhở, động viên hay lập biên bản vi phạm về việc tảo hôn. Do đó, hành vi của anh Hà Văn Th không phạm tội "Tảo hôn" theo Điều 148 BLHS 1999. Ngoài ra, theo điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2016 của Quốc hội; thì Bộ luật hình sự 2015 không còn coi hành vi tảo hôn là tội phạm. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xem xét xử lý;

[14] Hành vi đăng kí kết hôn khi chưa đủ điều kiện kết hôn của UBND xã Phú Thanh là trái pháp luật. Do các đương sự đều yêu cầu ly hôn; nên HĐXX không tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật mà giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Việc đăng kí kết hôn từ năm 1998; đến nay thời hiệu xem xét, xử lý kỷ luật theo Điều 80 Luật Cán bộ công chức đã hết. Nên HĐXX không có căn cứ kiến nghị tới cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

[15] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân – gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[16] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật dân sự.

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 điều 24, điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Xử cho Nguyên đơn chị Cao Thị H được ly hôn Bị đơn anh Hà Văn Th.

2. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Số tiền này được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0012825 ngày 01/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai; các đương sự vắng mặt có lý do. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc niêm yết./.

Nơi nhận*:*

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Phú Thanh;
- Lưu HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lữ Thị Mai